

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST

Ngày 16 - 10 - 2019

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Sơn Lạng.

2. Ông Y Krang Jiê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lắc tham gia phiên tòa: Ông Y Ker B'krông - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2019/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐST- HNGĐ ngày 01/10/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn XH, xã Đ, huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Bị đơn: Chị HL Pang Ting, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Buôn L, xã K, huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/5/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Lê Văn T trình bày:

Anh Lê Văn T và chị HL Pang Ting qua quá trình tìm hiểu đã đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 05 tháng 7 năm 2010. Sau khi kết hôn vợ chồng anh, chị chuyển về sinh sống cùng bố mẹ chị HL tại buôn L, xã K, huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi chung sống cùng nhau trong khoảng thời gian 03 năm thì vợ chồng bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn, xích mích. Nguyên nhân do tính tình và cách sống của hai người không hòa hợp. Chị HL là người đồng bào dân tộc M'ông nên trong quan điểm sống cũng như ngôn ngữ và phong tục tập quán giữa hai người có nhiều mâu thuẫn. Từ đó hai vợ chồng thường xuyên cãi cọ, chửi bới, xúc phạm nhau. Cứ như vậy, cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn triền miên, liên tục, thậm chí chị HL còn có hành vi bạo lực với anh T, từ tháng 6/2017 đến nay anh T và chị HL đã sống ly thân. Hiện tại anh T làm lao động tự do tại thôn XH, xã Đ, huyện Lắc còn chị HL vẫn ở nhà chung của hai vợ chồng. Nay anh T thấy tình cảm không còn, vợ chồng không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị HL Pang Ting.

Về con chung: Quá trình sống chung anh T, chị HL có với nhau 02 cháu tên là Lê Thị TT Pang Ting, sinh ngày 06/9/2010 và Lê A Pang Ting, sinh ngày 03/6/2015. Hiện nay cả hai cháu đều đang sống chung cùng anh tại thôn XH, xã Đ nên sau khi ly hôn, anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh không yêu cầu chị HL phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng anh T, chị HL tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị HL Pang Ting trình bày:

Chị HL đồng ý về quan hệ hôn nhân theo ý kiến của anh T. Quá trình sống chung giữa hai anh chị gặp nhiều mâu thuẫn về tiền bạc, khác biệt về ngôn ngữ, phong tục tập quán nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích, xung đột. Hai anh chị không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, thậm chí cả hai đều có hành vi bạo lực với nhau. Anh T thường xuyên đi làm ăn xa nhà nên mỗi lần về vợ chồng lại lớn tiếng, hằn học, chửi bới, xúc phạm nhau. Hiện tại anh, chị đã sống ly thân từ tháng 6/2017 đến nay, vợ chồng bỏ mặc không còn quan tâm, chăm sóc yêu

thương nhau gì nhau nữa. Tuy mâu thuẫn trầm trọng là vậy nhưng chị HL lại không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T vì chị cho rằng một mình anh T đứng đơn thì tự anh giải quyết lấy. Hơn nữa, cũng theo phong tục tập quán của người đồng bào dân tộc M'ông thì người phụ nữ không được ly hôn với chồng nên chị không đồng ý theo yêu cầu ly hôn của anh T.

Về con chung: Quá trình sống chung vợ chồng anh T, chị HL có với nhau 02 cháu tên là Lê Thị TT Pang Ting, sinh ngày 06/9/2010 và Lê A Pang Ting, sinh ngày 03/6/2015. Do các cháu đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên việc học tập, đi lại cũng gặp nhiều khó khăn, vất vả. Do vậy, nếu phải ly hôn, chị HL đồng ý để lại 02 con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị HL không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh T.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắc phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Tòa án nhân dân huyện Lắc thụ lý vụ án hôn nhân và gia đình về quan hệ pháp luật: “*Tranh chấp ly hôn*” giữa nguyên đơn anh Lê Văn T với bị đơn chị HL Pang Ting là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký đã áp dụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Hòa giải, chuẩn bị xét xử. Tại phiên Tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử đã áp dụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn T.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Lê Văn T được ly hôn với chị HL Pang Ting.

- *Về con chung*: Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự, giao 02 cháu Lê Thị TT Pang Ting, sinh ngày 06/9/2010 và Lê A Pang Ting, sinh ngày 03/6/2015 cho anh Lê Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị HL không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh T.

- *Về tài sản và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập xem xét giải quyết.

- *Về án phí*: Anh Lê Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Anh Lê Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị HL Pang Ting, đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại buôn L, xã K, huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Lắc căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý, giải quyết là đúng với quy định của pháp luật.

Xét thấy bị đơn chị HL Pang Ting đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án*: Anh Lê Văn T và chị HL Pang Ting xác lập quan hệ hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk nên quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Văn T và chị HL Pang Ting là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa hai anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, xung đột, xích mích. Nguyên nhân do tính tình của hai người không hòa hợp, luôn bất đồng trong quan điểm sống cũng như ngôn ngữ và phong tục tập quán. Bên cạnh đó, hai bên thường xuyên xảy ra cãi cọ, chửi bới, xúc phạm, thậm chí còn có hành vi bạo lực với nhau.

Theo kết quả xác minh tại ban tự quản buôn L, xã K, huyện Lắc nơi anh Lê Văn T và chị HL Pang Ting đã chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là có thật theo như nội dung mà anh T và chị HL trình bày. Về tình trạng hôn nhân ban tự quản buôn Liêng Krăk cho biết vợ chồng chị HL, anh T chuyển về sinh sống tại địa phương khoảng vào năm 2010. Quá trình sống chung hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, xích mích, xung đột, thậm chí chửi bới và xảy ra tình trạng bạo lực gia đình với nhau. Mức độ và tần suất mâu thuẫn diễn ra thường xuyên, liên tục kéo dài từ năm 2014 đến giữa năm 2017 thì hai anh chị sống ly thân. Tuy mâu thuẫn vợ

chồng đã được đại diện thôn buôn hòa giải nhưng tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị HL vẫn ngày càng trầm trọng và không thể hàn gắn được.

Như vậy, giữa anh Lê Văn T và chị HL Pang Ting đã vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh Lê Văn T, cho anh Lê Văn T được ly hôn với chị HL Pang Ting là phù hợp.

[3] Về con chung: Do anh Lê Văn T và chị HL Pang Ting đã thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung nên Tòa án công nhận sự thỏa thuận giữa hai anh chị. Giao các cháu Lê Thị TT Pang Ting, sinh ngày 06/9/2010 và Lê A Pang Ting, sinh ngày 03/6/2015 cho anh Lê Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị HL không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh T.

[4] Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Anh Lê Văn T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 235, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình:

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Văn T.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Lê Văn T được ly hôn với chị HL Pang Ting

2. *Về con chung:* Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự, giao cháu Lê Thị TT Pang Ting, sinh ngày 06/9/2010 và Lê A Pang Ting, sinh ngày 03/6/2015 cho anh Lê Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị HL không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh T.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí:* Áp dụng điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh Lê Văn T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0013534 ngày 10/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lắc;
- CCTHADS huyện Lắc;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã K;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Thành